

THỰC TRẠNG VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ KINH TẾ PHI CHÍNH THỨC Ở VIỆT NAM

Đặng Ngọc Huyền Trang¹,
Dương Thị Thùy Linh²

Tóm tắt

Kinh tế phi chính thức (gồm khu vực kinh tế phi chính thức và việc làm phi chính thức) dù chưa được định nghĩa thống nhất nhưng không thể phủ nhận được tầm ảnh hưởng và vai trò của nó trong nền kinh tế quốc dân của Việt Nam nói riêng và của các nước đang phát triển nói chung. Còn nhiều bất cập về mặt chính sách và không có hành lang pháp lý thỏa đáng cho kinh tế phi chính thức tồn tại và phát triển trong tầm kiểm soát của nhà nước trong khi sự tồn tại của kinh tế phi chính thức đòi hỏi cần có những định nghĩa cụ thể, chính xác và chính sách pháp luật phù hợp để quản lý và tạo điều kiện cho thành phần kinh tế này phát triển hợp lý. Bằng phương pháp thống kê, tổng hợp và đánh giá phân tích các quan điểm, thực trạng, chính sách về khu vực kinh tế phi chính thức, bài báo đưa ra các kiến nghị phù hợp để phát triển toàn diện và sử dụng tối ưu lợi ích do khu vực kinh tế này đem lại.

Từ khóa: Kinh tế phi chính thức, việc làm phi chính thức, chính sách pháp luật, hành lang pháp lý, thành phần kinh tế.

THE INFORMAL ECONOMY –SITUATION AND POLICY MANAGEMENT IN VIETNAM

Abstracts

Although the informal economy (including the informal economic sector and informal employment) has not been uniformly defined, no one can deny its influence on and role in the national economy of Vietnam in particular and of developing countries in general. There are many policy shortcomings and no adequate legal frameworks for the informal economy to exist and develop under the control of the state, whereas the existence of the informal economy requires specific and accurate definitions and appropriate policies to manage and facilitate reasonably. Using statistical methods, the paper analyzes and summarizes the situation and policies on the informal economic sector, then makes appropriate recommendations for the comprehensive development and optimal use of this economic sector.

Keywords: Informal economy, informal employment, legal policy. legal framework, economic components.

JEL classification: E26

1. Đặt vấn đề

Mặc dù kinh tế phi chính thức (KTPCT) là một khu vực chủ chốt trong nền kinh tế của các nước đang phát triển nhưng cho đến nay khu vực này vẫn chưa nhận được sự quan tâm thỏa đáng về chính sách ở nhiều quốc gia trong đó có Việt Nam. Thực tế, khu vực này tồn tại từ lâu và đã trở thành bộ phận quan trọng cấu thành nền kinh tế của tất cả các nước trên thế giới, đặc biệt là đối với các nước đang phát triển như Việt Nam. Quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường và đẩy mạnh công nghiệp hóa nông nghiệp và nông thôn theo hướng hiện đại đã và đang tạo ra nhiều cơ hội thuận lợi cho khu vực kinh tế phi chính thức phát triển rất mạnh mẽ tại Việt Nam. Thực tế cho thấy khu vực KTPCT có vai trò rất lớn

trong nền kinh tế nhưng do tình trạng thống kê không đầy đủ và không chính xác năng lực, đóng góp của khu vực này vào nền kinh tế của quốc gia, đặc biệt là hiện nay, khu vực kinh tế này cũng đang đứng trước nhiều khó khăn, thách thức trong xu hướng phát triển của nền kinh tế số hiện nay. Những chính sách, quy định cụ thể tạo điều kiện cho khu vực kinh tế này phát triển đã và đang bộc lộ nhiều bất cập cần được tập trung giải quyết nhất là trong lĩnh vực việc làm phi chính thức.

2. Tổng quan về tài liệu nghiên cứu

Nghiên cứu về khu vực KTPCT có từ nhiều năm nay đã bước đầu đưa ra các quan điểm về KTPCT, đánh giá tầm quan trọng và các tác động của khu vực kinh tế này trong nền kinh tế quốc dân.

Dương Đăng Khoa (Tạp chí Phát triển kinh tế 7/2006) nghiên cứu các hình thái tồn tại của KTPCT và đánh giá sự bất bình đẳng trong chính sách quản lý giữa khu vực chính thức và phi chính thức.

Viện Khoa học Thống kê (2010) đã đưa ra tổng quan về kết quả điều tra thống kê khu vực kinh tế phi chính thức ở Việt Nam và một số khuyến nghị về quản lý thông tin thị trường lao động và phát triển nguồn nhân lực.

Theo Lê Đăng Doanh tại Tọa đàm Khu vực kinh tế phi chính thức - Thực trạng ở Việt Nam (Hà Nội 18/12/2012) đã đưa ra một số vấn đề kinh tế phi chính thức ở Việt Nam theo đó đánh giá thực trạng tồn tại của KTPCT trong các năm vừa qua.

Bùi Sỹ Tuấn - Đỗ Minh Hải (Viện Khoa học Lao động và Xã hội -2012) đã phân tích an sinh xã hội của khu vực KTPCT từ đó đánh giá tác động tới chất lượng và số lượng của nguồn lao động trong khu vực này.

Trong bài báo này bằng các phương pháp thống kê, tổng hợp và đánh giá phân tích các quan điểm, thực trạng, chính sách về khu vực kinh tế phi chính thức, chúng tôi muốn đưa ra các kiến nghị phù hợp để phát triển toàn diện và sử dụng tối ưu lợi ích do khu vực kinh tế này đem lại, đảm bảo đáp ứng yêu cầu của nền kinh tế trong xu hướng hội nhập.

3. Các quan điểm và vai trò của kinh tế phi chính thức ở Việt Nam

3.1. Một số quan điểm về kinh tế phi chính thức

Hiện nay, trên thế giới đang phổ biến một số tên gọi như: khu vực phi chính quy (Informal sector); kinh tế bóng đen (Shadow economy); kinh tế ngầm (Underground economy)... Dù tên gọi được dùng khác nhau, chung quy lại các thuật ngữ trên đều phản ánh bản chất các hoạt động của một khu vực KTPCT, trái ngược với khu vực kinh tế chính thống.

3.1.1 Quan điểm của Tổ chức Lao động Thế giới (ILO)

Theo ILO 1993 và 2002, OECD 2002, SNA 1993 và 2008 [11] thì “kinh tế chưa được giám sát” bao gồm 3 thành tố:

Nền KTPCT thoát khỏi (một phần hoặc hoàn toàn) các quy định của Nhà nước (nhưng

không cố ý) – đặc biệt là ở các nước đang phát triển: Lao động tự làm; điều tra trực tiếp.

Kinh tế ngầm: Tránh các quy định của Nhà nước (cố ý khai thấp doanh số); tiếp cận gián tiếp: Chợ đen (tránh kiểm toán thuế).

Kinh tế bất hợp pháp: Sản phẩm bất hợp pháp (Sản phẩm và dịch vụ: Buôn bán ma túy...)

Theo đó thì:

- KTPCT là khu vực mà ở đó tồn tại việc làm phi chính thức, là một tập hợp các đơn vị sản xuất ra sản phẩm vật chất và dịch vụ với mục tiêu chủ yếu nhằm tạo ra công ăn việc làm và thu nhập cho những người có liên quan, đóng góp vào GDP mà khu vực kinh tế chính thức không với tới được. KTPCT bao gồm nhiều khu vực, nhiều loại hình, nhiều hình thức và đối tượng hoạt động.

- Đơn vị sản xuất kinh doanh (SXKD) thuộc khu vực KTPCT mang những đặc điểm của hộ SXKD, không có tư cách pháp nhân, hoạt động của các đơn vị SXKD thuộc khu vực KTPCT không nhằm để lảng tránh nghĩa vụ nộp thuế, bảo đảm xã hội, vi phạm luật lao động hay vi phạm luật pháp hoặc bất kì quy định quản lý nào khác (Hệ thống Tài khoản Quốc gia – SNA, Tái bản lần thứ tư) Những đơn vị này thường được tổ chức đơn giản, quy mô nhỏ, với không hoặc rất ít sự phân chia giữa lao động và vốn là các yếu tố đầu vào của sản xuất. Các mối liên hệ việc làm (nếu có) chủ yếu dựa trên sự tình cờ, quan hệ họ hàng, hoặc quan hệ cá nhân, sự quen biết hơn là các thỏa thuận hợp đồng với sự bảo đảm chính thức.

Như vậy, khái niệm về các hoạt động của khu vực KTPCT khác với các hoạt động tương tự của kinh tế giấu giếm hay kinh tế ngầm.

3.1.2. Quan điểm của Viện Khoa học Thống kê (Tổng cục Thống kê)

Năm 2007, Viện Khoa học Thống kê (KHTK) và Đơn vị nghiên cứu Phát triển, Thể chế và Phân tích Dài hạn (DIAL) đã thiết kế một lược đồ điều tra để thu thập thông tin về khu vực KTPCT và việc làm phi chính thức ở Việt Nam. Lược đồ này được xây dựng có sự tham khảo các khuyến nghị của các tổ chức quốc tế, có điều chỉnh cho phù hợp với điều kiện của Việt Nam:

Khu vực KTPCT được định nghĩa là “tất cả các doanh nghiệp không có tư cách pháp nhân, sản xuất ít nhất một hoặc một vài sản phẩm và

dịch vụ để bán hoặc trao đổi, không đăng kí kinh doanh (không có giấy phép kinh doanh) và không thuộc ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản” (gọi tắt là ngành nông nghiệp). Các doanh nghiệp như vậy được gọi là “các hộ SXKD phi chính thức”, phù hợp với từ dùng chính thức về loại hình SXKD này. Việc loại hoạt động SXKD trong lĩnh vực nông nghiệp ra khỏi định nghĩa là do đặc trưng hoạt động nông nghiệp và phi nông nghiệp có sự khác nhau, ví dụ như tính thời vụ, tổ chức lao động, mức thu nhập,... và công cụ điều tra khác nhau ở 2 khu vực này. Các hộ SXKD chính thức (có đăng ký kinh doanh) thuộc vào khu vực kinh tế chính thức.[2]

Việc làm phi chính thức được định nghĩa là việc làm không có bảo hiểm xã hội (đặc biệt là bảo hiểm y tế). Ở Việt Nam, tất cả các doanh nghiệp và hộ SXKD có đăng ký kinh doanh, bất kể có quy mô như thế nào đều bắt buộc phải đăng ký lao động thường xuyên (có hợp đồng lao động ít nhất là từ 3 tháng trở lên) của đơn vị mình với Cơ quan Bảo hiểm Xã hội Việt Nam. Tất cả các việc làm thuộc khu vực KTPCT được coi là việc làm phi chính thức.

Như vậy theo các quan điểm trên thì KTPCT sẽ bao gồm cả khu vực KTPCT và việc làm phi chính thức. Thông thường các nước đang phát triển trên thế giới, 60% cơ hội việc làm là ở KTPCT còn ở Việt Nam thì tỉ lệ này lên đến

82%. KTPCT ở Việt Nam dù tồn tại khá mạnh mẽ nhưng vẫn chưa được định nghĩa chính thức.

3.2 Vai trò của KTPCT trong nền kinh tế - xã hội Việt Nam.

Thực tế khu vực này tồn tại từ lâu và đã trở thành một bộ phận quan trọng cấu thành nền kinh tế của tất cả các nước trên thế giới, đặc biệt đối với các nước đang phát triển như Việt Nam. Hoạt động KTPCT xuất hiện khắp mọi nơi ở Việt Nam và phát triển vô cùng mạnh mẽ.

Đối với xã hội, khu vực KTPCT tạo ra một tỷ lệ lớn việc làm cho số lượng lao động tăng dần của Việt Nam trong các năm. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê về tình hình lao động qua các năm, có thể thấy tỉ lệ lao động có việc làm phi chính thức ngoài hộ nông, lâm nghiệp, thủy sản những năm gần đây luôn ở mức trung bình là trên 50% tỉ lệ lao động có việc làm (bảng 1), trong đó ở khu vực nông thôn thì tỉ lệ này cao hơn so với thành thị (bảng 1). Đối với hai thành phố lớn là Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh thì khu vực KTPCT là nguồn cung cấp việc làm cho số lượng lớn người lao động và lực lượng lao động này chiếm theo thứ tự 30% và 32,9% tổng số lao động của từng thành phố. Nếu loại bỏ hoạt động nông nghiệp thì tại Hà Nội, có 300.000 hộ SXKD phi chính thức với 470.000 lao động còn Thành phố Hồ Chí Minh là 750.000 hộ với 1 triệu lao động.

Bảng 1: Tỷ lệ lao động có việc làm phi chính thức qua các năm (%)

Năm	2015	2016	2017	2018
Tỷ lệ lao động có việc làm phi chính thức	57,5	58,1	57,6	56,2

Nguồn: Tổng cục Thống kê

Bảng 2: Tỷ lệ lao động có việc làm phi chính thức phân theo khu vực (%)

Năm	2015	2016	2017	2018
Tỷ lệ lao động có việc làm theo khu vực				
- Thành thị	53,5	54,3	53,6	52, 7
- Nông thôn	60,3	60,5	60,2	59, 9

Nguồn: Tổng cục Thống kê

Đối với nền kinh tế đang trên đà phát triển mạnh của Việt Nam thì đóng góp của KTPCT chiếm tỷ trọng lớn mặc dù việc đánh giá, thống kê còn chưa hoàn thiện. Các hộ kinh doanh phi chính thức chủ yếu tập trung vào ngành dịch vụ như các nhà hàng ăn uống, khách sạn, sửa chữa nhỏ... chiếm tỷ trọng trên 40%, tiếp theo là thương mại (bán buôn, bán lẻ) và một bộ phận

nhỏ thuộc ngành công nghiệp và xây dựng... Theo Vũ Sỹ Cường (Học viện Tài chính) thì lao động khu vực nông nghiệp và khu vực phi chính thức đang có tỷ lệ cao trong cơ cấu nền kinh tế và 7 năm nay tỷ lệ đóng góp của khu vực này trong GDP vẫn quanh mức 33%. Sự tăng trưởng mạnh mẽ của Việt Nam trong những năm qua đã ghi nhận sự phát triển đáng kể của hoạt động

kinh tế không chính thức trong đó phải kể đến đóng góp của các hộ kinh doanh cá thể. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê (2017), nếu như kinh tế Nhà nước đóng góp 32,2% vào GDP, thì kinh tế ngoài Nhà nước góp tới 48,3%; (Kinh tế tập thể 5%, Kinh tế tư nhân 10,9%, Kinh tế cá thể 32,3%); Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài 19,5%. Như vậy, trong khu vực kinh tế ngoài Nhà nước, khu vực kinh tế cá thể có tỷ trọng đóng góp cao nhất trong GDP (xấp xỉ 33%), cao hơn khu vực kinh tế Nhà nước và cao hơn hẳn khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.

4. Thực trạng pháp lý của kinh tế phi chính thức

Dễ dàng nhận thấy rằng việc làm phi chính thức có xu hướng giảm dần trong giai đoạn 2015 – 2018 từ 57,50% xuống còn 56,2 %. Nguyên nhân của thực trạng này là do triển vọng kinh tế không sáng sủa khiến các doanh nghiệp chính thức đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ và vừa giảm bớt lợi ích cho các lao động như: Bảo hiểm xã hội hoặc tránh ký kết hợp đồng lao động theo yêu cầu của luật pháp. Do đó rất khó tìm được việc làm hoặc duy trì việc làm chính thức. Về phía doanh nghiệp, chi phí để chính thức hóa việc làm là rất cao bên cạnh đó, sự cứng nhắc trong các quy định về lao động làm cho người sử dụng lao động không muốn thuê nhân công chính thức.

Mặc dù tầm quan trọng của KTPCT ngày càng gia tăng, khu vực này vẫn là lĩnh vực bị bỏ quên trong các chính sách công. KTPCT về cơ bản dường như chưa được Nhà nước quan tâm. Trong thời gian qua, chưa hề có chính sách hỗ trợ nào (đào tạo, nâng cao năng lực, tín dụng vi mô, tiếp cận thị trường,...) hướng trực tiếp đến khu vực này, cũng như khu vực này không được hưởng các gói kích thích, các biện pháp hỗ trợ để hạn chế tác động của các cuộc khủng hoảng.

Thứ nhất, với khu vực KTPCT thì các quy định pháp luật về đăng ký kinh doanh không ràng buộc cụ thể đối với khu vực kinh tế này:

- Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, tính đến hết năm 2014 [9], cả nước có tổng cộng 4.658 triệu hộ kinh doanh cá thể với số lượng lao động gần 8 triệu người. Thực tế là hầu như không có hộ kinh doanh PCT nào (tỷ lệ thấp hơn 1%) biết đến ngưỡng thu nhập các hộ kinh doanh

phải thực hiện đăng ký; thậm chí ngay cả đối với các hộ kinh doanh chính thức thì chỉ có một bộ phận nhỏ (10% ở Hà Nội và 20% ở TP. HCM) cho biết họ nắm được các quy định pháp luật về đăng ký kinh doanh, và những hiểu biết của họ về vấn đề này rất hạn chế. Luật doanh nghiệp 2014 và nghị định số 78/2015 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp thì quy định: “Hộ gia đình sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp, làm muối và những người bán hàng rong, quà vặt, buôn chuyến, kinh doanh lưu động, làm dịch vụ có thu nhập thấp không phải đăng ký, trừ trường hợp kinh doanh các ngành, nghề có điều kiện, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quy định mức thu nhập thấp áp dụng trên phạm vi địa phương”.

- Các hộ kinh doanh cá thể dưới 10 lao động không có tư cách pháp nhân gây khó khăn cho tiếp cận nguồn vốn, chế độ chịu trách nhiệm cho các khoản nợ...

- Số lượng người lao động có thu nhập thấp trong xã hội là rất lớn nhưng không có cơ chế thống kê, quản lý. Ước tính cứ mỗi đô la trong tổng thu nhập quốc dân thì một nửa đô la không được báo cáo [1]. Và ba phần tư số giao dịch bất động sản được tiến hành không chính thức [1]. Cứ một công ty được niêm yết giao dịch trên thị trường chứng khoán thì có tới 30 công ty được giao dịch không chính thức [1]. Như vậy là khu vực KTCT vẫn khó kiểm soát.

Thứ hai, lao động trong khu vực phi chính thức có trình độ học vấn và có chuyên môn kỹ thuật tương đối thấp, thấp nhất so với lao động ở các khu vực khác trừ khu vực nông nghiệp:

- Chỉ có 15,7% số lao động có trình độ từ phổ thông trung học trở lên, trên 90% số lao động thuộc khu vực không chính thức không có bất kỳ chứng chỉ tay nghề nào.

- Bên cạnh đó, lao động khu vực phi chính thức còn có những đặc điểm dễ nhận thấy khác như: việc làm bấp bênh, thiếu ổn định; không có hợp đồng lao động, thu nhập thấp (trung bình chỉ đạt 2,2 - 2,5 triệu/tháng), thời gian làm việc dài (bình quân 47,3 giờ/tuần, cao hơn so với mức bình quân là 43,8 giờ/tuần).

- Doanh nghiệp trong khu vực này thường có quy mô rất nhỏ hoặc siêu nhỏ (từ 10 lao động

trở xuống); không đăng ký kinh doanh, không đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, không chi trả các chế độ phụ cấp và các khoản phúc lợi xã hội khác cho người lao động... Nếu như khu vực chính thức như hành chính sự nghiệp, các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế, hiện nay các chính sách an sinh xã hội bắt buộc như BHXH bắt buộc, bảo hiểm y tế bắt buộc được triển khai tương đối khá thì khu vực không chính thức, khu vực nông thôn hiện nay việc triển khai chính sách gặp nhiều khó khăn. Việc triển khai hệ thống an sinh xã hội tự nguyện có tầm quan trọng đặc biệt (vì việc làm trong khu vực phi chính thức vẫn duy trì ở tỉ lệ cao như đã phân tích ở trên (Bảng 1).

5. Kiến nghị chính sách để phát triển khu vực kinh tế phi chính thức

KTPCT là một bộ phận cấu thành lớn, chiếm tỷ trọng cao trong thành phần kinh tế và việc làm ở Việt Nam. Và trong tương lai, cho dù chúng ta có đề ra những kế hoạch phát triển kinh tế như thế nào đi chăng nữa thì khu vực này vẫn sẽ tồn tại song hành cùng nền kinh tế chính thức. Vì vậy, KTPCT (bao gồm khu vực KTPCT và việc làm PCT) cần được công nhận sự tồn tại và có cơ chế chính sách phù hợp để quản lý nhằm tạo cơ chế phát triển cho thành phần kinh tế chiếm tỷ trọng khá lớn trong nền kinh tế quốc dân của Việt Nam.

Một là, cần đưa ra một khái niệm phù hợp với thực tế tồn tại của KTPCT tại Việt Nam, qua đó các cơ quan quản lý nhà nước có thể nhận thức rõ ràng và dành nhiều sự quan tâm hơn đối với khu vực này. Khái niệm này cần được xác định trong văn bản pháp lý phù hợp (luật, nghị định, thông tư, v.v.). Định nghĩa này cần được các cơ quan chủ chốt như Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội và Tổng cục Thống kê thông qua, tạo cơ sở cho các tổ chức và doanh nghiệp tham chiếu. Đây là một điều kiện tiên quyết cho các cơ quan khác nhau (nhà nước và phi chính phủ) tiến hành các hoạt động hỗ trợ phát triển khu vực PCT.

Hai là, cần chính thức hóa KTPCT là điều cần thiết thông qua các quy định pháp luật như chính sách khuyến khích đăng ký kinh doanh với mục tiêu cải thiện điều kiện lao động và thu

nhập; hỗ trợ đồng thời những người tiếp tục làm việc trong khu vực PCT (tín dụng, đào tạo nghề). Cần bổ sung các biện pháp để các đối tượng lao động PCT được tham gia bảo hiểm thất nghiệp, dần lấp đầy khoảng trống an sinh xã hội. Việc thiết lập các quy tắc rõ ràng và được tất cả mọi người hiểu biết sẽ giúp giảm sự tùy tiện trong các quyết định và sách nhiễu của công chức, đồng thời giúp các cơ quan có thẩm quyền thực thi luật một cách chặt chẽ hơn.

Ba là, cần nâng cao chất lượng và số lượng các thông tin thống kê, đặc biệt là các thông tin thống kê về KTPCT là yêu cầu vô cùng cấp bách. Cần tập trung nhiên cứu, áp dụng các phương pháp thống kê mới, tiên tiến theo chuẩn mực quốc tế phù hợp với thực tiễn Việt Nam. Việc thu thập thông tin về KTPCT nên được thể chế hóa; điều tra KTPCT cần được đưa vào chương trình điều tra thống kê quốc gia – nhằm đảm bảo nắm bắt hợp lý và toàn diện thông tin về khu vực này, từ đó cung cấp thông tin chính thức cho các nhà hoạch định chính sách.

6. Kết luận

Bài viết nêu lên tầm quan trọng và thực trạng pháp lý của khu vực kinh tế phi chính thức tại Việt Nam. Khu vực kinh tế phi chính thức sẽ tiếp tục gia tăng quy mô trên phương diện việc làm. Mặc dù gần đây đã có chuyển biến nhận thức về tầm quan trọng của khu vực kinh tế phi chính thức như các nội dung của Chiến lược Quốc gia (Bộ lao động thương binh và xã hội) [12] về việc làm cho năm 2011 - 2020 tại Việt Nam, khu vực kinh tế phi chính thức vẫn không được chính sách kinh tế của nhà nước quan tâm tới. Việc nâng cao lợi ích của KTPCT cần khắc phục tình trạng bất bình đẳng trong chính sách giữa các khu vực kinh tế. Việc xây dựng và thực hiện các chính sách thích hợp vẫn còn là một thách thức lớn mà Việt Nam, hiện đã trở thành một quốc gia có thu nhập trung bình phải đối mặt. Các khuyến nghị được đưa ra dựa trên cơ sở thực tế lỗ hổng của các quy định pháp luật cho KTPCT, tuy nhiên vẫn cần đánh giá tác động ảnh hưởng của các nền kinh tế nước ngoài và xu hướng phát triển kinh tế thế giới để có một chính sách phù hợp nhất cho khu vực KTPCT nhiều tiềm năng này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Bộ Lao động – Thương binh và xã hội. (2018). *Chiến lược việc làm 2011 - 2020 đóng vai trò quan trọng trong công cuộc đổi mới.*
- [2]. Nguyễn Hữu Chí, Nguyễn Thị Thu Huyền. (2010). Thị trường lao động và kinh tế phi chính thức ở Việt Nam trong giai đoạn khủng hoảng và phục hồi 2007 – 2009. *Dự án TCTK/IRD-DIAL.*
- [3]. Lê Đăng Doanh. (18/12/2012). Một số vấn đề kinh tế phi chính thức ở Việt Nam. *Tọa đàm: Khu vực kinh tế phi chính thức - Thực trạng ở Việt Nam, Hà Nội.*
- [4]. Jean-Pierre Cling, Mireille Razafindrakoto và François Roubaud. (2011). *The informal economy in Vietnam.*
- [5]. Ngân hàng thế giới và công ty tài chính quốc tế. (2014). *Báo cáo thường niên, ngày 29 tháng 10 năm 2014.*
- [6]. Ngân hàng thế giới. (2018). *Giám sát.* Truy cập ngày 15/03/2018 từ <http://siteresources.worldbank.org/intvietnam/vietnamese/Resources/chuong6.pdf>.
- [7]. Hoài Nam, Stephane Lagree Jean-Pierre Cling, Mireille Razafindrakoto và François Roubaud. (2013). *Kinh tế phi chính thức tại các nước đang phát triển.* Nhà xuất bản Trí thức.
- [8]. SNA, Brussels/luxembourg, New York, Paris, Washington, D.C (1993). *Hệ thống Tài khoản Quốc gia, Tháng 4 năm 2014.*
- [9]. Quốc hội. (2014). *Luật doanh nghiệp 2014 và các văn bản liên quan, ngày 26 tháng 11 năm 2014.*
- [10]. Quốc hội. (2014). *Luật Bảo hiểm xã hội 2014 và các văn bản liên quan, ngày 20 tháng 11 năm 2014.*
- [10]. Tổng cục Thống kê. (2015). *Tình hình kinh tế - xã hội năm 2013 đến năm 2015.*
- [11]. Viện Khoa học Thống kê. (2010). *Tổng quan về kết quả điều tra thống kê khu vực kinh tế phi chính thức ở Việt Nam và một số khuyến nghị về quản lý thông tin thị trường lao động và phát triển nguồn nhân lực.*

Thông tin tác giả:

1. Đặng Ngọc Huyền Trang

- Đơn vị công tác: Trường ĐH Kỹ thuật Công Nghiệp
- Địa chỉ email: dangngochuyentrang@gmail.com

2. Dương Thị Thùy Linh

- Đơn vị công tác: Trường ĐH Kỹ thuật Công Nghiệp

Ngày nhận bài: 9/3/2019

Ngày nhận bản sửa: 11/9/2019

Ngày duyệt đăng: 25/09/2019